

# **ĐẶC ĐIỂM CHUNG VỀ ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

• **ThS. LÂM THỊ SANG**

*Sở Giáo dục và Đào tạo Bạc Liêu*

**M**ục đích giáo dục con người toàn diện luôn được đặt ra cho nền giáo dục xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các giai đoạn khác nhau. Việc tìm hiểu và nhận diện định hướng giá trị nghề nghiệp là một trong các cách để tiếp cận nhân cách của học sinh trung học phổ thông (THPT) nói chung và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng.

Tuổi thanh niên học sinh (tương ứng với tuổi đầu thanh niên, tuổi học sinh trung học phổ thông) là giai đoạn phát triển của trẻ trong độ tuổi từ 14-15 đến 17-18. Đây là giai đoạn phát triển tương đối hoàn thiện về thể chất, cảm xúc và xã hội. Lứa tuổi này đã thể hiện rõ nét sự trưởng thành về xã hội thông qua việc định hướng nghề nghiệp của các em.

## **1. Giá trị và định hướng giá trị**

Theo một số tác giả, định hướng giá trị (ĐHGT) được hiểu là cái đáng mong, cái có ích, thiết thực đối với con người và với xã hội. Giá trị còn được xem là những phẩm chất, phẩm giá mà con người cần phải vươn tới. Giá trị, theo nghĩa chung nhất, có thể hiểu là cái làm cho một khách thể nào đó có ích, có nghĩa, đáng quý đối với chủ thể, được mọi người thừa nhận. Người ta có thể phân chia giá trị thành: giá trị vật chất, giá trị tinh thần, giá trị riêng, giá trị chung, giá trị xã hội, giá trị truyền thống, giá trị hiện đại...

ĐHGT là hệ giá trị của cá nhân (hoặc nhóm xã hội, cộng đồng) đã được phân cấp, sắp xếp theo một cách nào đó mang ý nghĩa chỉ đạo, định hướng hoạt động của cá nhân (hoặc xã hội, cộng đồng) trong cuộc sống. ĐHGT có liên quan đến các hiện tượng tâm thế, thái độ, động cơ và cùng tham gia vào việc điều chỉnh hành vi hoạt động của con người. Hệ thống ĐHGT là một trong những đặc điểm bền vững, ổn định của cá nhân, thường quan hệ mật thiết với các chuẩn mực mà cá nhân hướng vào trong cuộc sống của mình, với các lí tưởng mà con người theo đuổi.

Trong cuộc sống nói chung và trong hoạt

động nghề nghiệp nói riêng, con người thường hướng tới những giá trị nào đó và sắp xếp chúng theo thứ bậc ưu tiên nhất định. Nói cách khác, mỗi con người đều có ĐHGTC của mình. ĐHGTC là một mặt của tâm lí con người. Nó phản ánh đặc điểm tâm lí bên trong (như nhu cầu, động cơ, tình cảm, quan điểm đạo đức) trong từng hoàn cảnh khách quan cụ thể và có vai trò điều khiển hành vi con người.

Nghiên cứu vấn đề ĐHGTC sẽ góp phần nâng nhận thức về những tác động tới ĐHGTC nói chung và ĐHGTC nghề nghiệp nói riêng của học sinh, đặc biệt là học sinh THPT khu vực ĐBSCL.

## **2. Định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh THPT ĐBSCL**

### **2.1. Một số nét cơ bản về ĐHGTC nghề nghiệp của học sinh THPT ĐBSCL**

Qua nghiên cứu 1160 học sinh THPT ở các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ và An Giang, chúng tôi nhận diện được một số nét cơ bản về ĐHGTC nghề nghiệp của học sinh THPT khu vực ĐBSCL như sau:

#### **2.1.1. Yếu tố kinh tế trong nghề nghiệp**

Chúng tôi tiến hành điều tra ĐHGTC nghề nghiệp của học sinh THPT ở một số tỉnh ĐBSCL. Ở mỗi giá trị nghề nghiệp, chúng tôi chia mức độ quan trọng thành 11 hạng (từ 0 đến 10) theo chiều tăng dần của mức độ quan trọng. Kết quả như sau:

Trong hệ thống giá trị nghề nghiệp thì yếu tố kinh tế được các em quan tâm và được phần lớn các học sinh lựa chọn. Các giá trị của nghề nghiệp như có thu nhập cao, dễ thăng tiến, làm việc cho các công ty nước ngoài, để làm giàu được học sinh xác định rất quan trọng đối với mình. Quan niệm, cách suy nghĩ về giá trị của đồng tiền trong nền kinh tế thị trường đã tác động khá lớn đến nhận thức của các em. Phần lớn các em chưa quan tâm và cho rằng ít quan trọng đối với mình ở các giá trị lợi ích xã hội, ý nghĩa xã hội của nghề, nghề truyền thống của

gia đình, địa phương (Bảng 1).

Do khác nhau về điều kiện kinh tế, trình độ

phát triển của xã hội mà tiêu chuẩn chọn nghề của các em cũng có sự khác nhau. Mặc dù cùng

nằm trong khu vực nhưng cơ hội tìm việc làm, điều kiện để người lao động có việc làm ổn định ở các tỉnh cũng khác nhau khá rõ nét. Vì thế tiêu chuẩn chọn nghề của các em học sinh THPT tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng có vẻ đơn giản hơn học sinh THPT ở An Giang, thành phố Cần Thơ. So với học sinh ở An Giang, thành phố Cần Thơ, số học sinh THPT ở Bạc Liêu, Sóc Trăng xác định mức độ rất quan trọng nhiều hơn ở giá trị nghề nào cũng được, miễn có việc làm, nghề dễ tìm việc làm, nghề dễ được vào biên chế (Bảng 2).

Sự phát triển mạnh của nền kinh tế của đất nước và xu hướng phát triển của khu vực đã ảnh hưởng đến định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh THPT hiện nay. Các yếu tố

Bảng 1

CÁC LOẠI NGHỀ	Số lượng	Tỉ lệ thấp nhất	Điểm trung bình
Nghề đòi hỏi sáng tạo	1160	7.87	2.023
Nghề dễ có điều kiện tiếp tục học lên	1160	8.11	1.964
Nghề có thu nhập cao	1160	9.00	3.148
Giỏi một nghề, biết nhiều nghề	1160	8.23	2.082
Nghề phù hợp với xã hội hiện đại	1160	8.53	1.960
Nghề nhân hạ	1160	5.80	3.018
Nghề nào cũng được, miễn có ích cho xã hội	1160	5.84	2.724
Nghề chỉ có thể làm việc tại các thành phố	1160	6.11	2.823
Nghề chỉ có thể làm việc tại các công ty lớn	1160	7.52	2.467
Nghề phù hợp với năng lực của bản thân	1160	9.07	1.665
Nghề dễ có điều kiện thăng tiến	1160	8.37	1.780
Nghề không cần phải học nhiều	1160	4.52	2.809
Nghề ổn định, ít thay đổi môi trường làm việc	1160	7.63	2.484
Nghề dễ có cơ hội làm giàu	1160	8.12	2.212
Nghề có cơ hội đi nước ngoài	1160	7.62	2.523
Nghề phù hợp với sở thích của bản thân	1160	9.07	4.870
Nghề nào cũng được miễn có việc làm	1160	4.77	3.073
Nghề theo truyền thống của gia đình	1159	5.37	3.590
Nghề dễ tìm được việc làm	1160	6.79	2.729
Nghề dễ vào biên chế nhà nước	1160	6.93	2.713

Bảng 2

CÁC LOẠI NGHỀ	Tỉnh				
	Bạc Liêu	Sóc Trăng	Cần Thơ	An Giang	Total
Nghề đòi hỏi sáng tạo	7.75	8.16	7.91	7.77	7.87
Nghề dễ có điều kiện tiếp tục học lên	8.15	8.33	7.84	8.06	8.11
Nghề có thu nhập cao	8.92	8.97	9.05	9.10	9.00
Giỏi một nghề, biết nhiều nghề	8.28	8.47	8.09	8.02	8.23
Nghề phù hợp với xã hội hiện đại	8.49	8.60	8.55	8.51	8.53
Nghề nhân hạ	5.79	5.89	5.36	6.06	5.80
Nghề nào cũng được, miễn có ích cho xã hội	6.14	5.82	4.73	6.20	5.84
Nghề chỉ có thể làm việc tại các thành phố	6.32	6.03	5.70	6.15	6.11
Nghề chỉ có thể làm việc tại các công ty lớn	6.87	6.78	8.51	8.42	7.52
Nghề phù hợp với năng lực của bản thân	9.04	9.13	9.23	8.94	9.07
Nghề dễ có điều kiện thăng tiến	8.47	8.20	8.20	8.50	8.37
Nghề không cần phải học nhiều	4.52	5.04	3.55	4.74	4.52
Nghề ổn định, ít thay đổi môi trường làm việc	7.94	7.53	6.71	7.93	7.63
Nghề dễ có cơ hội làm giàu	8.14	7.99	8.41	7.99	8.12
Nghề có cơ hội đi nước ngoài	7.44	7.13	7.98	8.04	7.62
Nghề phù hợp với sở thích của bản thân	9.12	9.05	9.23	8.91	9.07
Nghề nào cũng được miễn có việc làm	5.40	4.70	3.33	4.92	4.77
Nghề theo truyền thống của gia đình	5.75	5.53	4.52	5.26	5.37
Nghề dễ tìm được việc làm	7.16	6.59	6.29	6.77	6.79
Nghề dễ vào biên chế nhà nước	8.49	8.25	4.21	5.42	6.93

Bảng 3

CÁC LOẠI NGHỀ	Số lượng	Tỉ lệ thấp nhất	Điểm trung bình
Sư phạm	1160	1.59	.893
Kinh tế	1160	2.44	1.089
Y	1160	2.10	1.031
Dược	1160	2.25	1.116
Nông nghiệp	1160	1.55	.791
Thủy sản	1160	1.60	.815
Môi trường	1160	1.72	.856
Luật	1158	2.07	1.021
Công nghệ thông tin	1160	2.44	1.082
Chính trị	1160	1.84	.955
Báo chí	1160	1.84	.957
Công an, cảnh sát	1160	2.03	1.075
Xây dựng	1160	1.73	.887
Công nghiệp	1160	1.71	.846
Lâm nghiệp	1160	1.55	.777
Dịch vụ	1160	2.51	1.037
Du lịch	1160	2.73	1.053
Hàng không	1160	2.44	1.103
Hội họa	1160	1.86	.993
Địa chất	1160	1.62	.834
Âm nhạc	1160	2.16	1.115
Nghệ thuật	1160	2.08	1.091
Giao thông	1160	1.85	.987
Ngân hàng	1160	2.78	1.108
Nghề khác	0		

vật chất đã lấn át các giá trị tinh thần, ý nghĩa xã hội khi chọn nghề của học sinh; các em chưa nhìn thấy tính ổn định các giá trị bền vững, tính xã hội mà chỉ tập trung vào các giá trị trước mắt, mang tính cá nhân.

#### 2.1.2. Tính hấp dẫn của nghề nghiệp

Mức độ yêu thích của các em đối với các nghề cũng phản ánh tính hấp dẫn của các nghề đối với học sinh trong điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của khu vực. Ở nội dung này chúng tôi tìm hiểu mức độ yêu thích các nghề của các em qua 4 mức độ: "Phân vân", "Thế nào cũng được", "Thích" và "Rất thích".

Cho dù thế mạnh về kinh tế của ĐBSCL là nông nghiệp, thủy sản nhưng tỉ lệ học sinh THPT trong khu vực rất thích nghề ở các lĩnh vực này không cao. Có thể do thu nhập thấp, tính vất vả của các nghề ở lĩnh vực nông nghiệp cao nên phần lớn học sinh không mặn mà lắm. Gần đây tình hình nuôi trồng thủy sản ở khu vực ĐBSCL diễn biến theo chiều hướng xấu: Sản lượng nuôi

trồng thấp, giá thành sản phẩm không ổn định... nên các em thấy ngại về tính bấp bênh của mảng nghề nghiệp này. Mức độ tình cảm của các em đối với các nghề sư phạm, công nghiệp, môi trường, giao thông, cũng ở trong tình trạng tương tự.

Các nghề học sinh yêu thích vẫn là nhóm nghề kinh tế, ngân hàng, dịch vụ, công nghệ thông tin. Học sinh cho rằng trong tương lai, những nghề này tiếp tục có chỗ đứng vững chắc trong xã hội, cơ hội tìm việc làm rất lớn, phạm vi hoạt động của các nghề này rất rộng, có thu nhập cao, có thể tạo được cuộc sống ổn định cho mình sau này (Bảng 3).

Phần lớn học sinh THPT khu vực ĐBSCL ngày càng quan tâm đến việc học ngành nào, học thêm những gì mà thị trường lao động cần nhất và đảm bảo được thu nhập khi làm việc. Tâm lí chuộng học đại học ngoại, chuộng bằng cấp ngoại,

muốn trở thành nhân viên trong các tập đoàn, công ty nước ngoài khá phổ biến. Vì lí do đó mà định hướng giá trị nghề nghiệp của các em cũng mang rõ màu sắc của thời kì phát triển kinh tế trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

#### 2.1.3. Nơi công tác

Các giá trị về nơi làm việc cũng phản ánh phần nào nét đặc trưng của khu vực. Các em chọn nghề thuộc nhóm có thu nhập cao thì rất muốn được làm việc tại các thành phố lớn, các khu công nghiệp lớn hoặc các công ty nước ngoài. Tính đa dạng trong ngành nghề, điều kiện để tìm hoặc lựa chọn nơi làm việc ở một số tỉnh ĐBSCL chưa cao và không đồng đều (trừ thành phố Cần Thơ) nên phần lớn học sinh THPT rất lo ngại về việc thất nghiệp sau khi ra trường. Tìm được việc làm là vấn đề khó khăn đối với học sinh mới ra trường hiện nay nên khá nhiều em ở Bạc Liêu không kén chọn ngành nghề nhiều, chỉ mong sao có việc làm là tốt (điểm trung bình là 5.4). Được học tập và sinh sống ở trung tâm kinh



tế, văn hóa của khu vực, các em học sinh THPT ở Cần Thơ có yêu cầu cao trong công việc, số học sinh chỉ mong sao có việc làm là tốt khá thấp (điểm trung bình là 3.33). Trong điều kiện hiện nay, nhiều em ở Cần Thơ cho rằng các cơ quan nhà nước không phải là nơi làm việc tốt nhất mà các em ưu tiên chọn lựa (điểm trung bình là 4.21). Trong khi đó, ở nội dung này với các em ở Sóc Trăng thì khác xa (điểm trung bình là 8.25).

## **2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị nghề nghiệp của học sinh THPT ĐBSCL**

### **2.2.1. Yếu tố khách quan**

Sự xuất hiện cái mới, những va chạm giữa cái truyền thống và hiện đại ngày càng ảnh hưởng lớn đến ĐHGTTT nghề nghiệp của học sinh THPT. Các em có xu hướng vươn tới các giá trị vật chất trước mắt của nghề nghiệp nhiều hơn là các giá trị lâu dài, ổn định của nghề nghiệp.

Mặc dù là lứa tuổi đang định hình phát triển nhưng các em đã có sự quan tâm, lựa chọn các giá trị nghề nghiệp phù hợp. Các tác động trực tiếp qua những tấm gương, những con người thành đạt đã có tác dụng khá lớn với các em khi các em suy nghĩ và lựa chọn ngành nghề. Qua phỏng vấn có khoảng 43% học sinh trả lời là nghề nghiệp của một số người thành đạt mà các em biết hoặc những người được các em ngưỡng mộ sẽ có ảnh hưởng khá lớn đến quyết định chọn nghề của bản thân.

Các cơ chế chính sách đáp ứng các nhu cầu thiết yếu và cơ bản của học sinh về học tập ngày càng được quan tâm về nội dung và đa dạng về hình thức. Học sinh THPT các tỉnh ĐBSCL là đối tượng được thụ hưởng trực tiếp nên việc học tập và phấn đấu của các em có nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực. Các em được học tập để nâng cao năng lực hoà nhập, để có định hướng nghề nghiệp và tìm việc làm một cách phù hợp, ổn định.

Đặc điểm kinh tế, xã hội, xu hướng phát triển của địa phương có ảnh hưởng lớn đến ĐHGTTT nghề nghiệp của các em. Các em quan tâm nhiều đến thực trạng phát triển của khu vực, nhu cầu sử dụng nguồn lực của địa phương, sự chuyển mình của đất nước. Từ việc tìm hiểu tình hình của tỉnh, khu vực và thị trường lao động trong tương lai, dựa vào năng lực bản thân, các em đã lựa chọn nghề phù hợp cho tương lai của mình.

### **2.2.2. Yếu tố chủ quan**

Sự trưởng thành về ý thức và quan hệ xã hội là một đặc điểm quan trọng trong sự phát triển nhân cách của học sinh THPT. Các em đã thể hiện sự phát triển mạnh về tự ý thức, sự trưởng thành về thể giới quan nên các ĐHGTTT của học sinh (trong đó có ĐHGTTT nghề nghiệp) có nhiều nét đặc thù.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn của chúng tôi cho thấy hơn 90% các em tự tìm hiểu, nghiên cứu và sẽ quyết định chọn nghề. Các yếu tố gia đình, ý kiến của thầy, cô, bạn bè hoàn toàn không mang tính chất quyết định cho sự lựa chọn của các em. Hầu hết các em cho rằng ý kiến của người lớn chỉ mang tính chất định hướng hoặc để tham khảo cho việc lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Yếu tố tự quyết định của bản thân có ý nghĩa lớn trong việc lựa chọn nghề nghiệp của các em. Do sự trưởng thành về nhận thức và xã hội, nhiều em đã thể hiện khá rõ tính độc lập, sự chuẩn bị và trưởng thành sớm về tự ý thức trong việc chọn nghề.

## **2.3. Đặc điểm chung về định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh THPT ĐBSCL**

- Cho dù thang giá trị nghề nghiệp có sự thiếu hài hoà giữa giá trị vật chất và tinh thần nhưng các em đã xác định là phải cố gắng học tập, phải có kiến thức thật sự. Học thật, thi thật trong tình hình "nói không với bệnh thành tích trong giáo dục" là một giá trị tích cực trong học tập để đạt mục đích nghề nghiệp của các em. Được làm việc sau khi ra trường là nguyện vọng bức xúc nhưng công việc đó phải là nơi các em bộc lộ năng lực và phải có thu nhập xứng đáng với công sức bỏ ra.

- Định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh THPT ĐBSCL khá phong phú, thể hiện tính đa dạng, chênh lệch về điều kiện, cơ hội chọn nghề của các tỉnh trong khu vực. Vì mục tiêu mà các em ra sức phấn đấu cho nghề nghiệp sẽ gặp không ít khó khăn nên các em thấy phải cần sự nỗ lực, kiên trì, cố gắng phấn đấu để đi đến thành công.

- Sự tự khẳng định mình, tự ý thức được thể hiện khá rõ qua định hướng giá trị nghề nghiệp của học sinh THPT ĐBSCL. Đây là một dấu hiệu, một đặc điểm nhân cách quan trọng của lứa tuổi này. Có thể xem đây là kết quả của mối quan hệ giữa các tác động phức tạp của điều

kiện sống cùng với quá trình phát triển có định hướng của cá nhân học sinh.

Như vậy, thứ tự ưu tiên chọn nghề, thang giá trị nghề nghiệp của học sinh THPT ĐBSCL có những nét tương đồng với một số vùng, khu vực khác nhưng cũng thể hiện nét đặc trưng của khu vực này.

### 3. Các biện pháp giáo dục định hướng giá trị nghề nghiệp cho học sinh THPT ĐBSCL

#### 3.1. Giáo dục các giá trị về nhận thức nghề nghiệp

- Các thông tin về nghề nghiệp cần được tuyên truyền sâu, rộng, thường xuyên cho học sinh THPT, nhất là học sinh ở các tỉnh vùng sâu, xa, khó khăn để các em có điều kiện nhận thức thức đầy đủ hơn về các giá trị nghề nghiệp.

- Làm tốt công tác tư vấn nghề nghiệp, tư vấn mùa thi cho học sinh THPT. Công tác này cần tập trung trao đổi vào nội dung, giá trị nghề, nhu cầu sử dụng của địa phương, chứ không chỉ tập trung vào việc giới thiệu các ngành đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

- Giáo dục ý thức, động cơ học tập đúng đắn cho học sinh. Giáo dục tinh thần trách nhiệm, lòng tự trọng trong học tập cho học sinh, thực hiện đúng yêu cầu học thực chất, thi thực chất.

#### 3.2. Giáo dục các giá trị đạo đức nghề, văn hóa nghề cho học sinh

- Mỗi ngành nghề có yêu cầu chuyên môn riêng và các tiêu chuẩn đặc thù. Nhưng ngành nghề nào cũng phải được xây dựng trên nền tảng của các giá trị đạo đức và nhân văn của con người. Các giá trị này sẽ là một trong các cơ sở để học sinh chọn nghề, hình thành ý thức nghề nghiệp đúng đắn và có thái độ phù hợp với ngành nghề.

- Tiếp tục định hướng và khẳng định tính tích cực của các giá trị truyền thống về văn hóa, đạo đức, giao tiếp trong mỗi nghề nghiệp cho học sinh; giáo dục học sinh có ý thức gìn giữ các giá trị nhân văn. Cần giúp học sinh xác định rõ hội nhập với thế giới là hòa nhập chứ không hòa tan, các giá trị nào cần được giữ lại cho nghề nghiệp trong tương lai của học sinh và trong tình hình toàn cầu hóa hiện nay.

- Phải kiên trì và có nhiều biện pháp phong phú để kết hợp giáo dục các giá trị truyền thống và các giá trị hiện đại của nghề nghiệp. Hiệu quả

của sự kết hợp này sẽ tạo nên văn hoá nghề nghiệp cho các em, những chủ thể lao động.

#### 3.3. Giáo dục các giá trị mới

- Hình thành cho học sinh, lực lượng thanh niên trẻ của xã hội tinh thần cống hiến và tự nguyện làm việc vì sự phát triển của các vùng sâu, xa xôi, hẻo lánh còn nhiều khó khăn. Việc lựa chọn nghề cần được đặt trên các bậc thang giá trị tốt đẹp chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào mức thu nhập của ngành nghề đó sau khi tốt nghiệp. Vì vậy, điều quan trọng là cần phải giáo dục ý nghĩa, giá trị xã hội của nghề nghiệp cho học sinh.

- Cung cấp đầy đủ các kiến thức và hình thành bản lĩnh vững vàng cho học sinh để các em có đủ năng lực, niềm tin trong việc tiếp nhận và phê phán các giá trị, trong đó có giá trị nghề nghiệp.

3.4. Mở rộng cơ cấu ngành nghề, đầu tư phát triển đúng hướng để người lao động có nhiều cơ hội chọn nghề, tăng cường tính dịch chuyển trong công việc, nơi làm việc cho người lao động. Có chế độ ưu đãi, chính sách hợp lý để thu hút người lao động về làm việc ở các vùng nông thôn sâu, vùng còn nhiều khó khăn, vùng có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống của khu vực ĐBSCL.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Thái Duy Tuyên, *Nghiên cứu con người Việt Nam trong kinh tế thị trường*, Hà Nội, 1995.
2. I. X. Kon, *Tâm lí học thanh niên*, NXB Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 1987.
3. Đỗ Ngọc Hà, *Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên hiện nay*, (luận án tiến sĩ), Hà Nội, 2002.
4. Lê Văn Anh, *Vấn đề giáo dục định hướng giá trị trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, tháng 9/2007.
5. *Trí tuệ cảm xúc ứng dụng trong công việc*, NXB Tri thức, 2007.

#### SUMMARY

Based on the study among 1160 students in provinces of Bac Lieu, Soc Trang, Can Tho and An Giang the author discusses the basic career value orientations, factors affecting career values by upper secondary students in Mekong Delta and proposes some educational measures for career value orientations by these students.